

Bản án số 66/2022/DS-PT

Ngày 09-6-2022

V/v “tranh chấp thừa kế quyền sử dụng
đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Lâm.

Ông Hồ Văn Luông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Kiều Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 07 tháng 6 và 9 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 (Thụ lý bổ sung số 79A/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 đối với quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang) về “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2022/QĐPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Như T1.

Địa chỉ: Dergotan 5Go Njo 33533 Swenden (Thụy Điển).

Địa chỉ thường trú: Ấp Long Đ, xã Vĩnh T2, huyện G, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Th.

Địa chỉ: Ấp 3A, xã Tân H, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Lợi N.

Địa chỉ: Ấp Thị T3, thị trấn R, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Bùi Thị L

Địa chỉ: Ấp 9, xã Lương T4, huyện Long M, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

3.2. Ông Lê Văn Nh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Hữu G1.

Cùng địa chỉ: Ấp 3A, xã Tân H, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

3.3. Chị Lê Thị Trúc L1.

3.4. Anh Lê Trọng Ngh.

3.5. Bà Đỗ Thị H1.

Cùng địa chỉ: Ấp 3A, xã Tân H, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

3.6. Bà Bùi Thị C.

Địa chỉ: Ấp Long Đ, xã Vĩnh T2, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3.7. Bà Trần Thị B.

Địa chỉ: Ấp Vĩnh H2, xã Vĩnh L2, huyện Hồng D1, tỉnh Bạc Liêu.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Bùi Thị Th.

5. Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2019 và quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn ông Bùi Như T1 trình bày: Nguồn gốc phần di sản thừa kế đang tranh chấp là của ông Bùi Như Y và bà Nguyễn Thị T5. Ông Y chết năm 2016, bà T5 chết năm 2011. Lúc sinh thời ông Bùi Như Y sống chung với bà Nguyễn Thị T5 có 03 người con là Bùi Như H3, Bùi Như B1 và Bùi Như T1. Ông Bùi Như H3 kết hôn với bà Trần Thị B có 02 người con là Bùi Thị Th và Bùi Thị L. Ông Bùi Như H3 chết năm 1970, còn bà Trần Thị B hiện nay đang sống tại ấp Vĩnh H2, xã Vĩnh L2, huyện Hồng D, tỉnh Bạc Liêu. Ông Bùi Như B1 kết hôn với bà Đỗ Thị H1 có 01 người con là Bùi Thị C. Ông Bùi Như B1 chết năm 1974 còn bà Đỗ Thị H1 đang sống tại ấp 3A, xã Tân H, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang. Lúc sinh thời cha mẹ ông có tạo lập khối tài sản là đất có diện tích 9.047,1m² thuộc thửa 348 và 794, đất tọa lạc tại ấp 3A, xã Tân H, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang. Do cha mẹ ông đi nước ngoài nên phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1996, cha mẹ ông về nước và có làm giấy ủy quyền cho cháu của ông là Bùi Thị Th và Lê Văn Nh canh tác, khi nào ông về Việt Nam thì trả đất lại cho ông. Hiện tại phần đất này bà Bùi Thị Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bà Th là người sống chung với bà T5 từ nhỏ đến khi bà T5 đi nước ngoài (năm 1994 bà T5 và ông Y đi nước ngoài). Ông cho rằng Tại bản án sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 29/10/2018 và bản án phúc thẩm số 31/2019/DSPT ngày 16/4/2019 đã hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000221/QSDĐ ngày 13/3/1995 của Ủy ban nhân dân huyện Châu T (nay là huyện Châu T) cấp cho bà Bùi Thị Th và dành quyền khởi kiện vụ án yêu cầu chia thừa kế của ông Bùi Như Y và bà Nguyễn Thị T5. Tại biên bản hòa giải ngày 01/6/2020, ông xác định tài sản tranh chấp là 10.992m². Hiện tại phần di sản 10.992m² đất của ông Bùi Như Y và bà Nguyễn Thị T5 để lại do bà Bùi Thị Th đang quản lý sử dụng nên ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản này.

Quá trình tố tụng tại tòa án, bị đơn bà Bùi Thị Th có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Lợi N trình bày: Ông thống nhất phần đất có diện tích 10.992m² có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị T5 và ông Bùi Như Y. Phần đất này bà T5 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Th sống chung

với bà T5 từ nhỏ đến năm 1994 có đoàn đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T5 có dẫn bà Th đến đoàn đo đạc xác nhận cho đất bà Th nên bà Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Bùi Như Y cũng biết việc cho đất này vì khi bà T5 đi nước ngoài phải có giấy tờ xác định ba không đó là không nợ ngân hàng, không đất đai và không nợ thuế nhà nước. Ông Bùi Như T1 có xác nhận giấy tờ này. Ông cũng thống nhất với hàng thừa kế của ông Bùi Như Y và bà Nguyễn Thị T5, như ông Bùi Như T1 trình bày. Đối với phần đất ông xác định, bà Th đã được bà Nguyễn Thị T5 cho hợp pháp nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Nhiên có ông Bùi Hữu G đại diện trình bày: Ông Lê Văn Nh là chồng của bà Bùi Thị Th. Lúc sinh thời bà Nguyễn Thị T5 có cho bà Bùi Thị Th phần đất có diện tích 10.992m² như bị đơn trình bày. Việc cho đất này không có lập thành văn bản nhưng bà Th là người canh tác từ khi bà T5 đi nước ngoài cho đến nay, cây trồng trên đất là do ông Nh và bà Th trồng. Nay, ông Lê Văn Nh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L trình bày: Bà là con của ông Bùi Như H3 và bà Trần Thị B. Lúc sinh thời ông Bùi Như H3 sống chung với bà Trần Thị B có 02 người con là Bùi Thị Th và bà. Ông H3 chết năm nào, bà không nhớ rõ vì lúc đó bà còn nhỏ, còn bà Trần Thị B đang sống tại ấp Vĩnh H2, xã Vĩnh L2, huyện Hồng D, tỉnh Bạc Liêu. Năm 1994, bà Nguyễn Thị T5 đi nước ngoài nhưng không có định cư mà có đi và về. Bà Th sống chung với bà T5 từ nhỏ nên được bà T5 để lại đất cho bà Th canh tác. Năm 1996, bà T5 trở về Việt Nam làm giấy ủy quyền cho đất ông Bùi Như T1 có ông Lê Văn Nh và bà Bùi Thị Th ký tên vào tờ ủy quyền, khi nào ông Bùi Như T1 về Việt Nam thì trả lại đất cho ông Bùi Như T1. Ngoài ra, bà cũng được bà Nguyễn Thị T5 cho phần đất có diện tích 2.600m² đất nhưng không có làm giấy tờ, bà canh tác được 2 đến 3 năm thì giao đất lại cho bà Bùi Thị Th canh tác vì bà đi lên tỉnh Bình Dương làm công nhân. Năm 2015, bà về địa phương và có yêu cầu bà Th trả lại đất nhưng bà Th không đồng ý. Nay bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với kỷ phần của ông Bùi Như H3.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2020: Lúc sinh thời ông Bùi Như H3 sống chung với bà có 02 người con là Bùi Thị Th và Bùi Thị L. Phần thừa kế của bà được hưởng bà cho lại bà Bùi Thị Th. Bà có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2020: Trước đây bà là vợ của ông Bùi Như B1. Bà sống chung với ông Bùi Như B1 có 01 người con là Bùi Thị C đang sống tại Ấp Long Đ, xã Vĩnh T2, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Bà cho biết nguồn gốc phần đất các đương sự tranh chấp là của ông Bùi Như Y và bà Nguyễn Thị T5 là mẹ chồng bà. Khi mẹ chồng bà đi nước ngoài không biết lý do gì bà Bùi Thị Th được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối

với phần đất tranh chấp bà không có yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2020: Bà là con của ông Bùi Như B1 và bà Đỗ Thị H1. Cha bà chết lúc bà còn nhỏ, lúc sinh thời cha bà sống chung với bà Đỗ Thị H1 có 01 người con là bà. Việc tranh chấp đất giữa ông Bùi Như T1 với bà Bùi Thị Th và các đương sự khác trong vụ án bà không có ý kiến, bà cũng không có yêu cầu chia thừa kế, yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Trúc L và anh Lê Trọng Ngh trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 15,17/12/2020:

Các anh, chị là con bà Bùi Thị Th và ông Lê Văn Nh. Cha mẹ tranh chấp thừa kế đất đai với ông Bùi Như T1 thì các anh, chị không có yêu cầu gì trong vụ án này. Chị L và anh Ngh có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Như T1.

Buộc bà Bùi Thị Th có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Như T1 số tiền là 183.330.000 đồng. (Một trăm tám mươi ba triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị L buộc bà Bùi Thị Th có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị L số tiền 61.065.000 đồng (Sáu mươi một triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Công nhận phần đất có diện tích 10.992m² thuộc các thửa đất số 794, 348, tờ bản đồ số 02, loại đất LUC, tại địa chỉ ấp 3A, xã Tân H, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang thuộc quyền sở hữu bà Bùi Thị Th.

(Kèm theo sơ đồ thửa đất số 46/Cty ACB Hậu Giang ngày 23/10/2019 của Công ty TNHH đo đạc bản đồ ACB Hậu Giang).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá, án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19 tháng 3 năm 2022, bị đơn bà Bùi Thị Th kháng cáo: Yêu cầu xem xét không chia thừa kế, công nhận quyền sử dụng đất cho bà diện tích 9.047m².

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang có Quyết định kháng nghị số 22/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu T, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang công bố quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Phần đất 10.992m², nguyên đơn yêu cầu chia, có phần đất ông Nh, bà Th nhận chuyển nhượng của người khác và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 183, diện tích 1.812.8m² ngày 12 tháng 11 năm 2013 (tách từ

thửa 795). Phần đất này không phải có nguồn gốc của ông Y, bà T5. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chia di sản thừa kế, do phần đất tranh chấp bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định.

Nguyên đơn ông Bùi Như T1 trình bày: Xác định di sản thừa kế của ông Y, bà T5 để lại chỉ là phần đất thuộc thửa 348 và 794. Thống nhất chỉ yêu cầu chia phần đất tại thửa 794 và 348 như yêu cầu khởi kiện ban đầu là 9.047,1m².

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Th, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Như T1 và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L về chia thừa kế quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Bùi Thị Th có đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang có quyết định kháng nghị trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đối với Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang đề nghị sửa án theo hướng không chia thừa kế quyền sử dụng đất và kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Th về việc không đồng ý chia di sản thừa kế. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về xác định diện tích đất tranh chấp và nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Th: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000221 ngày 13/3/1995 do Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang) cấp cho bà Bùi Thị Th tổng diện tích là 9202m² (Thửa 348, diện tích 5145m²; thửa 794, diện tích 3882m²; thửa 831, diện tích 175m²). Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2019 của nguyên đơn ông Bùi Như T1 thì ông chỉ khởi kiện tranh chấp phần đất tại thửa 794 và 348 có tổng diện tích đo đạc thực tế theo bản án phúc thẩm số 31/2019/DS-PT ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang là 9.047,1m² có nguồn gốc là của ông Bùi Như Y và bà Nguyễn Thị T5 tạo lập. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp là 10.992m² (diện tích đo đạc thực tế) trong đó có phần đất tại thửa 795, diện tích 1.800m² (đo đạc thực tế), phần đất này bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 nên việc xác định và chia di sản thừa kế cả phần đất này là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất chỉ tranh chấp phần đất có nguồn gốc của ông Y, bà T5 tại thửa 794 và 348, diện tích là 9.047,1m². Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại phần này. Đối với phần nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000221/QSDD ngày 13/3/1995 do Ủy ban

nhân dân huyện Châu T, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang) cấp cho bà Bùi Thị Th đã bị Tòa án nhân dân hai cấp hủy là chưa đúng, vì Tòa án cấp sơ thẩm không có thẩm quyền hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, đồng thời tại bản án phúc thẩm số 31/2019/DS-PT ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa bản án sơ thẩm, không tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm các vấn đề trên.

- Xét thấy: Các bên đương sự đều thừa nhận phần đất tranh chấp tại thửa 348 và 794 có nguồn gốc là của ông Bùi Như Y và bà Nguyễn Thị T5 tạo lập. Tuy nhiên, thời điểm năm 1994 ông Y và bà T5 đi nước ngoài định cư thì ông, bà vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên chưa xác lập quyền sử dụng đối với phần đất này. Khi ông Y và bà T5 làm thủ tục đi định cư nước ngoài, ông Y có làm đơn đề ngày 04/5/1994, yêu cầu địa phương xác nhận ông và bà T5 đủ điều kiện ba không (không có nhà cửa, ruộng vườn, không nợ ngân hàng, không nợ thuế nhà nước) và được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, sau khi xuất cảnh thì ông Y và bà T5 không còn tài sản ở Việt Nam. Việc bị đơn bà Bùi Thị Th cho rằng trước khi ông Y, bà T5 đi nước ngoài thì bà T5 có dẫn bà Th đến chính quyền làm thủ tục tặng cho, có trưởng ấp là ông Đoàn Văn Bé H4 xác nhận là có cơ sở (bút lục 07).

Bà Bùi Thị Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1995 và sử dụng ổn định cho đến nay. Không ai khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị Th.

Đối với tờ ủy quyền năm 1996: Xét thấy, năm 1995 bà Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Y, bà T5 không có khiếu nại về việc cấp giấy này đến cơ quan có thẩm quyền nên việc xác lập quyền sử dụng đất của bà Th là hợp pháp. Ông Y và bà T5 chưa có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất tranh chấp, nên việc năm 1996 ủy quyền cho bà Th và ông Nh quản lý, canh tác là chưa đủ căn cứ. Nên tờ ủy quyền năm 1996 là không có giá trị pháp lý.

Mặt khác, đối với trường hợp chủ đất cũ không kê khai, không đứng tên trong sổ đăng ký đất hoặc sổ địa chính, không thực hiện quyền quản lý, sử dụng của chủ sử dụng đất; còn người đang sử dụng đất đã kê khai, đăng ký đứng tên trong sổ bộ ruộng đất hoặc sổ địa chính; được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có căn cứ pháp luật, thực hiện đúng quy định của Luật đất đai năm 1993, năm 2003 và các văn bản pháp luật có liên quan thì chủ đất cũ không thể đòi lại quyền sử dụng đất đó. Trong trường hợp này, ông Y, bà T5 cũng không có quyền đòi lại phần đất tranh chấp.

Từ những căn cứ trên, tài sản tranh chấp có nguồn gốc là do ông Y và bà T5 tạo lập, đã không còn là di sản thừa kế. Có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang và chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Th. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu T theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Tòa án xác định không phải là di sản thừa kế nên ông Bùi Như T1 và bà Bùi Thị L phải chịu 300.000đồng theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông T1 là người cao tuổi nên được miễn. Ông T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đồng theo biên lai thu số 0021749 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang. Bà Bùi Thị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.875.000đồng theo biên lai thu số 0021748 ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang thành án phí, bà Bùi Thị Lành được nhận lại số tiền là 1.575.000đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Về chi phí đo đạc, định giá: 5.500.000đồng. ông Bùi Như T1 phải chịu (đã nộp xong).

[4] Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Bùi Thị Th không phải chịu và được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 612, 613, 652 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 2, Điều 73 Luật đất đai 1993;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Th. Sửa bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Như T1, không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị L về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa 348 và 794 tờ bản đồ số 02, loại đất LUC, tại địa chỉ ấp 3A, xã Tân H, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang do bà Bùi Thị Th đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000221 ngày 13/03/1995 do ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Cần Thơ cấp (nay là Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang).

2. Về chi phí đo đạc, định giá: 5.500.000đồng. Ông Bùi Như T1 phải chịu (đã nộp xong).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Như T1 được miễn. Ông T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0021749 ngày 07/8/2019 của Chi cục THADS huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang. Bà Bùi Thị L phải chịu án phí là 300.000đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.875.000đồng theo biên lai thu số 0021748 ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Chi

cục THADS huyện Châu T thành án phí, bà Bùi Thị L được nhận lại số tiền 1.575.000đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0007496 ngày 19/3/2021 của Chi cục THADS huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 09/6/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H.Châu T, Hậu Giang;
- Chi cục THADS H.Châu T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Quốc Tuấn